

Số: 121/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi Tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp
cho học sinh khóa 2013 và các khóa cũ thi lại
kỳ thi tháng 8 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-LTT ngày 04 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2013 và các khóa cũ thi lại;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-LTT ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2013 và các khóa cũ thi lại;

Căn cứ biên bản buổi họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng xét điều kiện dự thi Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2013 và các khóa cũ thi lại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 169 học sinh khóa 2013 và các khóa cũ đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, cụ thể như sau:

- | | | | |
|--------------------|---|--------------|-------------------------|
| 1. Khóa 2013 | : | 121 học sinh | |
| 2. Khóa cũ thi lại | : | 48 học sinh | (có danh sách kèm theo) |

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện đúng theo lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 2013 ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
Kỳ thi tháng 8 năm 2015**

(Kèm theo Quyết định số: 1121/QĐ-LTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
1	13B3150002	Nguyễn Thanh Bình	13TC-ĐT	15/01/1989	Phú Yên	
2	13B3150028	Phạm Hiền	13TC-ĐT	27/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	
3	13B3150008	Trần Đức Huệ	13TC-ĐT	01/5/1993	Nghệ An	
4	13B3150010	Nguyễn Thành Khương	13TC-ĐT	21/3/1995	Sông Bé	
5	13B3150031	Bùi Thiện Toàn	13TC-ĐT	28/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	
6	13B3080001	Mai Trần Tuấn Anh	13TC-Đ1	22/9/1993	Quảng Ngãi	
7	13B3080008	Cao Thành Danh	13TC-Đ1	30/11/1993	Tây Ninh	
8	13B3080010	Nguyễn Tiến Dũng	13TC-Đ1	24/10/1991	Hà Tĩnh	
9	13B3080012	Võ Hồng Dương	13TC-Đ1	19/3/1992	Đồng Nai	
10	13B3080018	Nguyễn Hồng Đức	13TC-Đ1	26/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	
11	13B3080100	Nguyễn Hoàng Gia	13TC-Đ1	17/9/1992	Phú Yên	
12	13B3080023	Nguyễn Thanh Hiền	13TC-Đ1	20/6/1993	Bình Thuận	
13	13B3080025	Hoàng Duy Hoi	13TC-Đ1	28/8/1991	Bắc Giang	
14	13B3080029	Hồ Gia Huy	13TC-Đ1	17/12/1993	Long An	
15	13B3080030	Lê Quốc Huy	13TC-Đ1	10/10/1992	Bình Thuận	
16	13B3080034	Lê Quang Kính	13TC-Đ1	27/01/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	
17	13B3080036	Trần Trung Lâm	13TC-Đ1	21/4/1995	Khánh Hòa	
18	13B3080039	Hoàng Ngọc Linh	13TC-Đ1	06/11/1995	Thái Bình	
19	13B3080046	Huỳnh Trung Ngãi	13TC-Đ1	27/10/1995	Quảng Ngãi	
20	13B3080049	Đào Văn Phấn	13TC-Đ1	24/9/1995	Quảng Ngãi	
21	13B3080051	Ngô Hoài Phong	13TC-Đ1	02/9/1992	Tp. Hồ Chí Minh	
22	13B3080090	Nguyễn Văn Phong	13TC-Đ1	07/02/1995	Bình Thuận	
23	13B3080054	Nguyễn Hữu Phước	13TC-Đ1	04/02/1995	Vĩnh Long	
24	13B3080055	Nguyễn Minh Phương	13TC-Đ1	16/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
25	13B3080058	Nguyễn Hoàng Quân	13TC-Đ1	09/3/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
26	13B3080060	Nguyễn Minh Quy	13TC-Đ1	30/5/1994	Đồng Nai	
27	13B3080096	Thái Hoàng Tâm	13TC-Đ1	22/6/1995	Đồng Nai	

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
28	13B3080066	Nguyễn Đức	Thắng	13TC-Đ1	03/3/1995	Thanh Hóa	
29	13B3080094	Nguyễn Tuấn	Thanh	13TC-Đ1	15/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	
30	13B3080070	Mai Quý	Thiện	13TC-Đ1	23/9/1989	Tp. Hồ Chí Minh	
31	13B3080076	Phạm Văn	Thương	13TC-Đ1	02/5/1995	Quảng Bình	
32	13B3080078	Châu Quốc	Toản	13TC-Đ1	12/01/1995	ĐăkLăk	
33	13B3080083	Nguyễn Tứ	Tuân	13TC-Đ1	25/12/1988	Thanh Hóa	
34	13B2190051	Nguyễn Chí	Bình	13TC-ĐL	02/3/1993	An Giang	
35	13B2190002	Trần Quốc	Công	13TC-ĐL	04/01/1995	Bình Thuận	
36	13B2190041	Võ Ngọc Thạch Đại	Dương	13TC-ĐL	19/9/1993	Vĩnh Long	
37	13B2190003	Nguyễn Văn	Đức	13TC-ĐL	17/7/1994	Bắc Ninh	
38	13B2190039	Nguyễn Trọng	Hiếu	13TC-ĐL	30/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	
39	13B2190005	Nguyễn Trung	Hiếu	13TC-ĐL	11/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	
40	13B2190006	Phạm Tấn	Hiếu	13TC-ĐL	04/10/1994	Bình Thuận	
41	13B2190010	Lê	Huân	13TC-ĐL	16/6/1994	Ninh Thuận	
42	13B2190013	Võ Tấn	Hưng	13TC-ĐL	11/01/1994	Kiên Giang	
43	13B2190015	Lương Trí	Khải	13TC-ĐL	28/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	
44	13B2190018	Nguyễn Cao	Kỳ	13TC-ĐL	11/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	
45	13B2190019	Nguyễn Ngọc	Mạnh	13TC-ĐL	03/5/1994	Ninh Thuận	
46	13B2190020	Lê Văn	Nam	13TC-ĐL	25/12/1993	Long An	
47	13B2190030	Huỳnh Minh	Tri	13TC-ĐL	12/4/1994	Sông Bé	
48	13B2190032	Phạm Minh	Trường	13TC-ĐL	25/8/1994	Tiền Giang	
49	13B2190033	Kiên Thanh	Tùng	13TC-ĐL	15/4/1994	Trà Vinh	
50	13B2190035	Phan Thanh	Vĩnh	13TC-ĐL	15/10/1990	Quảng Bình	
51	13B2040005	Lâm Minh	Cường	13TC-CKT	19/9/1995	Bình Định	
52	13B2040041	Huỳnh Minh	Dương	13TC-CKT	13/7/1993	Bình Định	
53	13B2040008	Lâm Văn	Hết	13TC-CKT	01/01/1995	Trà Vinh	
54	13B2040043	Trần Duy	Hiếu	13TC-CKT	02/5/1994	Đồng Nai	
55	13B2040010	Nguyễn Minh	Hoàng	13TC-CKT	02/3/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	
56	13B2040040	Võ Tấn	Lợi	13TC-CKT	02/01/1994	Quảng Ngãi	
57	13B2040019	Huỳnh Nguyễn Minh	Nhựt	13TC-CKT	15/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	
58	13B2040023	Phan Nguyễn Nam	Sang	13TC-CKT	23/8/1990	Quảng Nam - Đà Nẵng	
59	13B2040024	Lưu Ngọc	Sơn	13TC-CKT	27/02/1995	Đồng Nai	
60	13B2040025	Trần Duy	Tâm	13TC-CKT	22/6/1990	Tp. Hồ Chí Minh	
61	13B2040026	Nguyễn Duy	Thanh	13TC-CKT	22/3/1994	Bến Tre	
62	13B2040028	Phạm Mẫn Phước	Thành	13TC-CKT	12/11/1992	Long An	
63	13B2040029	Lê Văn	Tri	13TC-CKT	28/02/1995	Quảng Ngãi	

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
64	13B2040051	Nguyễn Duy	Vũ	13TC-CKT	19/7/1995	Bình Thuận	
65	13B2040053	Trần Văn	Xiên	13TC-CKT	26/7/1994	Ninh Thuận	
66	13B2040035	Ung Hoàng	Yêm	13TC-CKT	15/8/1989	Minh Hải	
67	13B2250008	Hoàng Trọng	Cương	13TC-Ô1	03/6/1991	Nghệ An	
68	13B2250016	Trương Văn	Đại	13TC-Ô1	05/7/1995	Bình Định	
69	13B2250023	Bùi Duy	Hiển	13TC-Ô1	17/12/1994	Gia Lai	
70	13B2250024	Nguyễn Công	Hiệp	13TC-Ô1	20/6/1994	Tây Ninh	
71	13B2250103	Hoàng Dy	Hưng	13TC-Ô1	15/10/1994	Đồng Nai	
72	12B2250023	Mai Văn	Huỳnh	13TC-Ô1	10/11/1993	Nam Định	
73	13B2250033	Hà Duy	Khánh	13TC-Ô1	20/3/1994	Tây Ninh	
74	13B2250044	Hoàng Cơ	Minh	13TC-Ô1	15/5/1994	Kiên Giang	
75	13B2250045	Lê Hồng	Minh	13TC-Ô1	20/4/1995	Đồng Nai	
76	13B2250046	Lưu Tấn	Minh	13TC-Ô1	06/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
77	13B2250051	Phan Bá	Nguyên	13TC-Ô1	20/9/1993	Thanh Hóa	
78	13B2250054	Trần Thanh	Phong	13TC-Ô1	10/5/1995	Tây Ninh	
79	13B2250057	Phạm Hồng	Phúc	13TC-Ô1	15/3/1990	Tp. Hồ Chí Minh	
80	13B2250064	Nguyễn Duy	Quang	13TC-Ô1	17/3/1987	Hải Phòng	
81	13B2250012	Cao Vũ Thanh	Tài	13TC-Ô1	10/10/1991	Bình Thuận	
82	13B2250070	Trịnh Hồng	Thái	13TC-Ô1	08/7/1995	Lâm Đồng	
83	13B2250107	Trần Quốc	Thắng	13TC-Ô1	25/5/1990	Đồng Nai	
84	13B2250077	Nguyễn Quốc	Thịnh	13TC-Ô1	29/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	
85	13B2250097	Nguyễn Thanh	Tiếp	13TC-Ô1	12/10/1995	Tây Ninh	
86	13B2250081	Đinh Hùng	Tính	13TC-Ô1	15/7/1994	Kiên Giang	
87	13B2250105	Phan	Toàn	13TC-Ô1	16/6/1994	Ninh Thuận	
88	13B2250084	Đào Ngọc	Tuấn	13TC-Ô1	13/02/1995	Ninh Thuận	
89	13B2250086	Nguyễn Minh	Tuấn	13TC-Ô1	06/5/1994	Bình Định	
90	13B2250090	Hoàng Quốc	Vũ	13TC-Ô1	08/7/1993	Đồng Nai	
91	13B2020007	Trần Hữu	Đức	13TC-QTM	12/02/1989	Bình Thuận	
92	13B2020014	Nguyễn Văn	Ngọc	13TC-QTM	30/01/1987	Quảng Nam - Đà Nẵng	
93	13B2020016	Lưu Chí	Phong	13TC-QTM	07/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
94	13B2020017	Lê Phú	Sang	13TC-QTM	21/5/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
95	13B2020061	Ngô Quốc	Thái	13TC-QTM	23/8/1991	Tp. Hồ Chí Minh	
96	13B2020020	Nguyễn Trọng	Thái	13TC-QTM	21/01/1993	Bình Định	
97	13B2020025	Đinh Thanh	Toàn	13TC-QTM	17/11/1991	Đồng Nai	
98	13B2020028	Nguyễn Minh	Trí	13TC-QTM	23/9/1994	Khánh Hòa	
99	13B2020056	Trần Đình	Việt	13TC-QTM	12/4/1993	Hà Tĩnh	



STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
100	12B2020004	Huỳnh Văn	Dương	13TC-QTM	16/6/1994	Phú Yên	
101	12B2020040	Trần Tuyên	Phong	13TC-QTM	28/9/1993	Quảng Ngãi	
102	12B2020066	Trần Minh	Triết	13TC-QTM	23/9/1994	Đồng Tháp	
103	13B2050001	Tạ Thị Ngọc	Ánh	13TC-MT	13/6/1994	Đồng Nai	
104	13B2050002	Nguyễn Thị Kim	Báu	13TC-MT	09/02/1995	Bình Định	
105	13B2050003	H Muel	Byă	13TC-MT	17/4/1994	ĐăkLăk	
106	13B2050004	Lê Thị Thu	Hiền	13TC-MT	07/6/1988	Thuận Hải	
107	13B2050005	Huỳnh Thị	Huệ	13TC-MT	10/01/1994	Thừa Thiên Huế	
108	13B2050006	Phạm Thị	Huế	13TC-MT	05/3/1994	Hưng Yên	
109	13B2050007	Trần Thị Mỹ	Hường	13TC-MT	22/12/1993	Bình Định	
110	13B2050008	Lê Thị Ngọc	Huyền	13TC-MT	10/01/1994	An Giang	
111	13B2050028	Võ Kim	Lài	13TC-MT	09/7/1994	Cà Mau	
112	13B2050009	Nguyễn Thị Ái	Linh	13TC-MT	08/11/1994	Đồng Nai	
113	13B2050010	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	13TC-MT	22/7/1994	Kiên Giang	
114	13B2050012	Trần Thị Kim	Ngân	13TC-MT	03/6/1991	Lâm Đồng	
115	13B2050022	Nguyễn Anh	Phương	13TC-MT	08/02/1991	Tây Ninh	
116	13B2050013	Nguyễn Thị	Phượng	13TC-MT	01/7/1992	Thừa Thiên Huế	
117	13B2050014	Võ Thị Kim	Phượng	13TC-MT	04/10/1995	Quảng Ngãi	
118	13B2050016	Lê Thị Kim	Thanh	13TC-MT	20/11/1994	Bình Thuận	
119	13B2050017	Trương Ngọc	Thoa	13TC-MT	28/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	
120	13B2050020	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	13TC-MT	19/12/1995	Quảng Ngãi	
121	13B2050027	Lê Thị Bích	Vân	13TC-MT	06/8/1995	Quảng Ngãi	

THAN
TRƯỜNG
CAO Đ
KỶ TH
Y TỬ
P. HỒ

Tổng cộng danh sách có 121 HS

**DANH SÁCH HỌC SINH CÁC KHÓA CỬ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI LẠI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**
Kỳ thi tháng 8 năm 2015

(Kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-LTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG										
1	Nguyễn Ngọc	Đức	27/11/1992	Đồng Nai		11TC-Đ3		x		
2	Tô Văn	Nhật	11/10/1992	Đồng Nai		11TC-Đ3		x		
3	Ngô Đình	Văn	04/02/1993	Tây Ninh		11TC-Đ3		x		
4	Hồ Công	Chính	17/01/1994	Bình Thuận		12TC-Đ1		x	x	
5	Hoàng Lê Minh	Tín	24/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-Đ1		x		
6	Nguyễn Thành	Hương	04/8/1994	Ninh Thuận		12TC-Đ1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
7	Nguyễn Phạm Minh	Vương	04/4/1994	Bình Thuận		12TC-Đ1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
8	Nguyễn Xuân	Nghĩa	01/9/1992	Đồng Nai		12TC-Đ1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
9	Quảng Hoàng	Thanh	17/5/1994	Long An		12TC-Đ1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
10	Phan Nhất	Nam	22/7/1993	Đồng Nai		12TC-Đ1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP										
11	Huỳnh Thành	Danh	30/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-ĐT1	x			
12	Phạm Trung	Đồng	04/01/1994	Ninh Bình		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
13	Nguyễn Văn	Toàn	11/5/1994	Cần Thơ		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
14	Dương Minh	Trí	20/5/1994	Minh Hải		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
15	Nguyễn Thanh	Tuấn	18/4/1994	Bình Định		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
16	Nguyễn Quang	Vinh	28/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
17	Trần Hoàng	Vinh	05/10/1993	Long An		12TC-ĐT1	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
CNKT NHIỆT - CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LẠNH										
18	Phạm Khắc	Đạt	15/6/1993	Bình Định		11TC-ĐL2		x		
19	Tạ Ngọc	Đức	23/11/1991	Tp. Hồ Chí Minh		11TC-ĐL1		x	x	
20	Nguyễn Ngọc	Thừa	08/6/1993	Bình Định		11TC-ĐL1		x		
CƠ KHÍ CHẾ TẠO - CHUYÊN NGÀNH PHAY										
21	Nguyễn	Cường	12/4/1994	Quảng Ngãi		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
22	Nguyễn Văn	Đô	26/3/1993	Quảng Ngãi		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
23	Nguyễn Phi	Long	31/01/1992	Cần Thơ		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
24	Trần Minh	Long	06/12/1993	Long An		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
25	Mai Văn	Mạnh	20/9/1993	Thanh Hóa		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
26	Nguyễn Thành	Nam	05/9/1991	Quảng Ngãi		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
27	Nguyễn Ngọc	Thắng	23/3/1989	Lâm Đồng		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
28	Nguyễn Kế	Thoại	20/02/1994	Bình Định		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
29	Nguyễn Mạnh	Thường	18/8/1993	Nam Định		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
30	Lê Thanh	Trường	22/12/1993	Bình Thuận		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
31	Võ Anh	Tuấn	03/8/1993	Khánh Hòa		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
32	Nguyễn Văn	Việt	16/10/1992	Hà Nội		12TC-CKP	x	x	x	Lần 1 KĐĐK

CƠ KHÍ CHẾ TẠO - CHUYÊN NGÀNH TIỆN

33	Nguyễn Chánh	Huy	15/10/1993	Long An		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
34	Trần Văn	Lâm	09/10/1991	Ninh Thuận		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
35	Nguyễn Xuân	Ngộ	28/4/1994	Quảng Ngãi		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
36	Trần Văn	Phong	21/8/1993	Nam Định		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
37	Nguyễn Lê	Sơn	30/4/1994	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
38	Trần	Tin	27/02/1994	Bình Thuận		12TC-CKT	x	x	x	Lần 1 KĐĐK

BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA ÔTÔ

39	Nguyễn Thanh	Tân	12/11/1993	Bình Thuận		12TC-Ô	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
40	Phạm Biên	Thùy	03/12/1994	Nam Định		12TC-Ô	x	x	x	Lần 1 KĐĐK

CÔNG NGHỆ MAY VÀ THỜI TRANG

41	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	25/3/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	x	12TC-MT		x		
----	-----------------	--------------	-----------	-------------------	---	---------	--	---	--	--

QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

42	Lê Lương	Thịnh	15/02/1992	Bình Thuận		11TC-QTM		x	x	
43	Nguyễn Tấn	Duy	27/11/1988	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
44	Tô Nguyễn Trường	Duy	23/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
45	Trần Tuấn	Hải	17/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
46	Lý Tuấn	Nghĩa	15/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
47	Hoàng Đình	Tân	22/5/1993	Đồng Nai		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK
48	Nguyễn Hoàng	Vương	13/12/1994	Ninh Thuận		12TC-QTM	x	x	x	Lần 1 KĐĐK

Tổng cộng danh sách có **48** học sinh.